



THÔNG BÁO BÁN ĐẦU GIÁ

1. Đơn vị có tài sản, đơn vị tổ chức đấu giá

- Đơn vị có tài sản: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc; Địa chỉ: Số 33 Đại lộ Hồ Chí Minh, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đơn vị tổ chức đấu giá (Công ty đấu giá): Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành; Địa chỉ: Số 9 phố Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0243.6620.888.

2. Tài sản đấu giá: Tài sản, VTTB thu hồi kém, mất phẩm chất có chứa chất thải nguy hại (Thông tin chi tiết xem trong hồ sơ mời tham gia đấu giá).

3. Giá khởi điểm (chưa bao gồm thuế VAT): 4.046.879.910 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm mười đồng).

Người mua được tài sản bán đấu giá có trách nhiệm thực hiện:

- Nộp Thuế giá trị gia tăng, các loại thuế liên quan tới tài sản.
- Chịu các loại chi phí như: Thí nghiệm, xử lý chất thải, bảo quản, vận chuyển, môi trường, chi phí lệ phí sang tên và chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có)... kể từ thời điểm bàn giao tài sản.

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản (Trong giờ hành chính): Từ ngày 20/6/2023 đến hết ngày 21/6/2023 tại kho vật tư của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương (Tiền Trung, Nam Sách, Hải Dương).

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, Nộp hồ sơ tham gia đấu giá, Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá; Tiền đặt trước, thời gian nộp tiền đặt trước.

a. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá (Trong giờ hành chính, trừ thứ bảy, chủ nhật): Từ ngày 13/6/2023 đến hết ngày 23/6/2023 tại Công ty đấu giá.

b. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng/01 hồ sơ.

c. Tiền đặt trước: 800.000.000 đồng. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 21/6/2023 đến hết ngày 23/6/2023.

6. Hình thức, phương thức đấu giá:

a. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá.

b. Phương thức đấu giá: Theo phương thức trả giá lên.

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện cách thức mua hồ sơ, nộp hồ sơ, nộp tiền đặt trước, tham gia đấu giá và các quy định khác: Theo Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành ban hành.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: 10 giờ 30 phút ngày 26/6/2023 tại phòng đấu giá của Công ty đấu giá (Địa chỉ: Số 9 phố Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội).

* Khách hàng đọc, nghiên cứu kỹ Quy chế cuộc đấu giá số 0608/2023/QC-ĐG ngày 08/6/2023 do Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành ban hành kèm theo Thông báo này.

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Của Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 86/HĐDV/PCHD-ĐGPT ký ngày 07/6/2023

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 86/HĐDV/PCHD-ĐGPT ký ngày 07/6/2023 giữa Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành với Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc bán đấu giá tài sản thanh lý.

Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành (Công ty đấu giá) ban hành quy chế cuộc đấu giá tài sản như sau:

CHƯƠNG 1 TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm.

1. Tài sản đấu giá: Tài sản, VTTB thu hồi kém, mất phẩm chất có chứa chất thải nguy hại (*Chi tiết danh mục tài sản kèm theo*).

- **Nơi có tài sản đấu giá:** Tại kho vật tư của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương (*Tiền Trung, Nam Sách, Hải Dương*).

- **Nguồn gốc tài sản:** Nguồn gốc tài sản là VTTB, tài sản thuộc quyền xử lý của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương (*Đơn vị có tài sản*) đã được cấp có thẩm quyền cho phép thanh lý theo quy định pháp luật.

2. Giá khởi điểm (*chưa bao gồm thuế VAT*): **4.046.879.910 đồng** (*Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm mười đồng*).

Người mua được tài sản bán đấu giá có trách nhiệm thực hiện:

- *Nộp Thuế giá trị gia tăng, các loại thuế liên quan tới tài sản.*
- *Chịu các loại chi phí như: Thí nghiệm, xử lý chất thải, bảo quản, vận chuyển, môi trường, chi phí lệ phí sang tên và chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có)... kể từ thời điểm bàn giao tài sản.*

Điều 2. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, Tiền đặt trước.

1. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 500.000 đồng/01 hồ sơ (*Năm trăm nghìn đồng/01 hồ sơ*).

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì khách hàng đã mua hồ sơ mời tham gia đấu giá được hoàn lại tiền mua hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc đấu giá. Không hoàn trả tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá đối với khách hàng có hành vi vi phạm quy định của pháp luật đấu giá và Quy chế cuộc đấu giá này.

2. Tiền đặt trước: 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*)

Lưu ý: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp đủ tiền đặt trước vào tài khoản Công ty đấu giá đúng thời hạn quy định (*Phí chuyển khoản do khách hàng chịu*). Trường

hợp số tiền đặt trước nộp không đủ hoặc tài khoản Công ty đấu giá báo Có đến trước hoặc sau thời hạn quy định tại Điều 3 Quy chế này đều coi là không hợp lệ, khách hàng không được tham gia đấu giá. Thông tin nộp tiền đặt trước như sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty đấu giá hợp danh Phúc Thành

Nội dung nộp tiền: (Tên Khách hàng) nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá tài sản của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc.

Số tài khoản: 1991 000 19 19 189

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà - Phòng giao dịch Tân Mai.

Điều 3. Kế hoạch thực hiện.

- Thời gian bán, nộp hồ sơ tham gia đấu giá (*Trong giờ hành chính, trừ thứ bảy, chủ nhật*): Từ ngày 13/6/2023 đến hết ngày 23/6/2023 tại trụ sở Công ty đấu giá (*Số 9 phố Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội*).
- Thời gian, địa điểm xem tài sản (*Trong giờ hành chính*): Từ ngày 20/6/2023 đến hết ngày 21/6/2023 tại kho vật tư của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương (*Tiền Trung, Nam Sách, Hải Dương*).
- Thời gian nộp tiền đặt trước (*Trong giờ hành chính*): Từ ngày 21/6/2023 đến hết ngày 23/6/2023.
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: 10 giờ 30 phút ngày 26/6/2023 tại phòng đấu giá của Công ty đấu giá (*Địa chỉ: Số 9 phố Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội*).

CHƯƠNG 2

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Điều 4. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

1. Điều kiện khách hàng được tham gia đấu giá

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản và bị cấm tham gia đấu giá theo quy định khác của pháp luật.
- Tuân thủ đúng các quy định của Quy chế này.
- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải là đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại. Trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại của khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải đáp ứng đầy đủ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.
- Mua Hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước đúng thời hạn quy định tại Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng liên hệ đến Công ty đấu giá để thực hiện các thủ tục hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình để thực hiện các thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, nộp và nhận lại tiền đặt trước, tham dự cuộc đấu giá (trả giá tại cuộc đấu giá) đúng quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Thành phần Hồ sơ mời tham gia đấu giá, Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

1. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Quy chế cuộc đấu giá.
- Đơn đăng ký tham gia đấu giá (do Công ty đấu giá phát hành).
- Giấy đề nghị cho khách hàng xem hiện trạng tài sản.
- Một số mẫu các giấy tờ khác: Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (gọi tắt là Hợp đồng mua bán); Giấy đề nghị trả tiền đặt trước.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá gồm:

- a. Đơn đăng ký tham gia đấu giá (do Công ty đấu giá phát hành).
- b. 02 bản sao y Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của khách hàng tham gia đấu giá là người đại diện theo pháp luật hoặc khách hàng tham gia đấu giá là người được ủy quyền.
- c. 01 bản chính Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu được uỷ quyền)
- d. 02 bản sao y Giấy đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (có mang bản gốc để đối chiếu).
- e. 02 bản sao y Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (có mang bản gốc để đối chiếu và giấy phép phải còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký), trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phải có các mã chất thải nguy hại liên quan đến lô tài sản thanh lý bao gồm: Dầu máy biến áp thu hồi (17 03 04), MBA, Tụ điện, TU dầu, TI dầu (11 04 01), Các thiết bị thải bỏ có CFC (16 01 07), Pin,Ắc quy thải (16 01 12), Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (16 01 13). Địa bàn được phép hoạt động (có bao gồm tỉnh Hải Dương), phương tiện chuyên dụng, vận chuyển, xử lý phù hợp với chủng loại, khối lượng CTNH bán đấu giá theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và môi trường; Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** Khách hàng cần lưu ý khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:**

➤ Về thành phần hồ sơ phải nộp:

- Thông tin điền đầy đủ trong Đơn đăng ký tham gia đấu giá.
- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng theo quy định.
- Các bản sao y phải có công chứng/chứng thực không quá 06 tháng kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.
- Khách hàng nếu nộp thiếu bất kỳ một trong những loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này trong Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá đều được coi Hồ sơ không hợp lệ do đó khách hàng không đủ điều kiện tham gia đấu giá.

➤ Về đối chiếu, kiểm tra thành phần hồ sơ đã nộp

- Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá khách hàng phải mang bản chính để đối chiếu, Khách hàng tự đánh dấu mã CTNH trên bản chứng thực để phục vụ việc đối soát với bản chính, nếu có sự sai khác thì khách hàng không được tham gia đấu giá.

CHƯƠNG 3

CÁCH THỨC TRẢ GIÁ TẠI CUỘC ĐẤU GIÁ

Điều 6. Bước giá; Hình thức, Phương thức bán đấu giá.

1. Bước giá: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Phương thức bán đấu giá: Theo phương thức trả giá lên.

3. Hình thức bán đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá. Cụ thể như sau:

- Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; Đọc Quy chế cuộc đấu giá; Giới thiệu tài sản đấu giá; Nhắc lại mức giá khởi điểm; Thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá; Phát số cho người tham gia đấu giá; Hướng dẫn cách trả giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá.

- Đấu giá viên yêu cầu người tham gia đấu giá thực hiện việc trả giá; Người tham gia đấu giá trả giá. Giá trả phải ít nhất bằng giá khởi điểm. Người trả giá sau phải cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề một hoặc nhiều bước giá (bước giá quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này).

Công thức trả giá như sau: $\text{Giá trả} = \text{Giá khởi điểm} + n(\text{lần}) \times \text{bước giá}$
(n là số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5 ...)

- Đấu giá viên công bố giá đã trả sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá và đề nghị những người tham gia đấu giá khác tiếp tục trả giá.

- Đấu giá viên công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại ba lần giá cao nhất đã trả và cao hơn giá khởi điểm mà không có người trả giá cao hơn.

Điều 7. Rút lại giá đã trả, Từ chối kết quả trúng đấu giá, Trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá.

1. Rút lại giá đã trả: Tại cuộc đấu giá nếu khách hàng đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trường hợp không có người trả giá tiếp thì cuộc đấu giá coi như không thành, người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia đấu giá.

2. Từ chối kết quả trúng đấu giá:

Sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

Người từ chối kết quả trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước.

3. Trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 49 và Điều 59 Luật đấu giá tài sản. Nếu cuộc đấu giá không được tổ chức thì khách hàng đã đăng ký tham gia đấu giá được nhận lại tiền đặt trước bằng chuyển khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc bán đấu giá. (Số tiền nhận lại = Số tiền đã nộp - phí chuyển khoản).

CHƯƠNG 4

XỬ LÝ VI PHẠM QUY CHẾ

Điều 8. Vi Phạm Quy chế bị truất quyền tham gia đấu giá và không được nhận lại tiền đặt trước.

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản. Cụ thể như sau:

+ Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

+ Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

+ Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;

+ Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

+ Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản.

- Rút lại giá đã trả theo quy định tại Quy chế này.

- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Quy chế này.

Tiền đặt trước của các khách hàng trong các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước nói trên thuộc về Đơn vị có tài sản.

Điều 9. Xử lý khoản tiền đặt trước.

Khách hàng nộp tiền đặt trước không đủ, nộp không đúng thời hạn quy định thì không được tham gia đấu giá, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá Khách hàng phải đến Công ty đấu giá để cung cấp thông tin số tài khoản để Công ty đấu giá chuyển trả lại tiền đặt trước. Số tiền nhận lại không được tính lãi suất trong bất kỳ trường hợp nào.

Khách hàng không trúng đấu giá được trả lại tiền đặt trước trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

Khách hàng trúng đấu giá được trả lại tiền đặt trước sau khi thanh toán đủ tiền mua tài sản cho Đơn vị có tài sản. *(Khách hàng cung cấp thông tin đã nộp tiền mua tài sản như sau: chụp giấy tờ chứng minh đã nộp tiền mua tài sản rồi gửi qua Email: phucthanhtructuyen@gmail.com hoặc gửi bản photo đến Công ty đấu giá).*

Lưu ý: Các khách hàng được nhận lại số tiền đặt trước = số tiền đã nộp - phí chuyển khoản

CHƯƠNG 5

CÁC THỦ TỤC SAU ĐẤU GIÁ THÀNH

Điều 10. Thời hạn ký kết hợp đồng mua bán, thanh toán tiền mua tài sản đấu giá.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá thành, Khách hàng trúng đấu giá phải đến Đơn vị có tài sản và Công ty đấu giá để ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá *(nội dung cơ bản theo mẫu Hợp đồng mua bán trong hồ sơ mời tham gia đấu giá).*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá thành. Khách hàng trúng đấu giá thanh toán đủ tiền mua tài sản vào tài khoản của Đơn vị có tài sản. Nếu chậm thanh toán quá 03 ngày làm việc so với tiến độ thanh toán nêu trên hoặc không đến

ký kết hợp đồng mua bán đúng thời gian quy định, khách hàng trúng đấu giá bị xem là đơn phương hủy bỏ hợp đồng và toàn bộ số tiền đã nộp (*tiền đặt trước khi đăng ký tham gia đấu giá*) thuộc về Đơn vị có tài sản.

Điều 11. Thời hạn, phương thức bàn giao tài sản đấu giá.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Đơn vị có tài sản nhận đủ số tiền bán tài sản (*quy định tại Điều 10 Quy chế này*) do khách hàng trúng đấu giá thanh toán thì Đơn vị có tài sản tổ chức bàn giao trực tiếp toàn bộ tài sản, hồ sơ liên quan cho khách hàng trúng đấu giá. Trường hợp phát sinh vướng mắc làm chậm công tác bàn giao tài sản, các giấy tờ có liên quan đến tài sản bán đấu giá Đơn vị có tài sản và khách hàng trúng đấu giá có trách nhiệm thông báo cho nhau bằng văn bản trên cơ sở cùng nhau bàn bạc và tự giải quyết sự việc. Đơn vị có tài sản tự chịu trách nhiệm và bồi thường về những thiệt hại gây ra cho khách hàng trúng đấu giá (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

Địa điểm bàn giao tài sản: Tại nơi có tài sản quy định tại Điều 1 Quy chế này.

CHƯƠNG 6

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 12. Trách nhiệm của Khách hàng tham gia đấu giá.

Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; đảm bảo đủ điều kiện được tham gia đấu giá, không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

Tự đi xem hiện trạng tài sản đúng thời gian quy định, nghiên cứu Hồ sơ pháp lý liên quan đến tài sản, nghiên cứu kỹ bản Quy chế này trước khi nộp Hồ sơ tham gia đấu giá. Mọi khiếu nại thắc mắc, hay có sai lệch về thông tin tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Công ty đấu giá giải quyết trước thời hạn kết thúc nộp Hồ sơ tham gia đấu giá. Nếu như không có khiếu nại gì thì coi như khách hàng đã chấp nhận thông tin liên quan đến tài sản bán đấu giá. Mọi khiếu nại liên quan đến tài sản sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ tham gia đấu giá sẽ không được giải quyết.

Khách hàng tham gia đấu giá được coi là đã chấp thuận hiện trạng, tình trạng pháp lý của tài sản và tuân thủ quy định tại quy chế này.

Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế này, đảm bảo trật tự nơi tổ chức bán đấu giá. Mọi hành vi gây rối, mất trật tự hoặc thông đồng gây thiệt hại cho Đơn vị có tài sản sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Khách hàng mua được tài sản.

Tự liên hệ với Đơn vị có tài sản để nhận tài sản đúng như hiện trạng tài sản đã xem xét, đăng ký tham gia đấu giá.

Chịu toàn bộ các khoản chi phí, nghĩa vụ tài chính có liên quan đến tài sản trúng đấu giá, tính từ ngày tài sản được nhận trên thực tế. Các khoản chi phí liên quan đến việc nhận tài sản như: Chi phí thuê nhân công, thuê phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị phục vụ cho việc nhận tài sản; chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển, chuyển quyền sở hữu sử dụng, xử lý tài sản bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật Đơn vị có tài

sản và Công ty đấu giá không chịu bất kỳ một khoản chi phí nào trong suốt quá trình giao toàn bộ tài sản cho người trúng đấu giá, tính từ ngày bàn giao tài sản.

Tự chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu mọi chi phí cho việc này.

Tự đảm bảo an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong suốt quá trình giao nhận tài sản.

Điều 14. Trách nhiệm của Đơn vị có tài sản.

Tài sản được bán trên cơ sở thực tế mà khách hàng đã được xem xét hiện trạng tài sản, tham khảo kỹ, đầy đủ Hồ sơ pháp lý về nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản.

Đơn vị có tài sản chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản, bàn giao đúng hiện trạng tài sản như khách hàng đã tham khảo xem xét thực tế.

Điều 15. Trách nhiệm của Công ty đấu giá.

Thực hiện theo đúng các quy định tại quy chế này và Luật đấu giá tài sản.

Không giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản bán đấu giá; Không chịu trách nhiệm về chất lượng, chủng loại cũng như sự thiếu đồng bộ, chi tiết phụ kiện kèm theo tài sản bán đấu giá.

CHƯƠNG 7

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chịu rủi ro và bất khả kháng.

Đơn vị có tài sản chịu rủi ro đối với tài sản bán đấu giá cho đến khi tài sản được bàn giao cho người mua, người mua chịu rủi ro kể từ khi nhận bàn giao tài sản bán đấu giá. Công ty đấu giá không chịu trách nhiệm về bất cứ rủi ro nào xảy ra đối với tài sản bán đấu giá nói trên.

Cuộc bán đấu giá này không thể thực hiện do các trường hợp bất khả kháng như: Thiên tai, dịch họa, có yêu cầu ngừng mở cuộc bán đấu giá, hủy bỏ kết quả bán đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá của Đơn vị có tài sản, Cơ quan chức năng có thẩm quyền ... thì Đơn vị có tài sản, Công ty đấu giá, các khách hàng tham gia đấu giá và người mua được tài sản phải thực hiện theo, các vấn đề có liên quan được phục hồi về nguyên trạng hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện.

Cán bộ của Công ty đấu giá, người tham gia đấu giá có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế cuộc đấu giá này.

Các trường hợp không được quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này thì được xử lý theo các quy định tại luật Đấu giá tài sản và các pháp luật liên quan.



Nguyễn Thị Thanh Tùng

DANH MỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
Kho: HDU_G72					
1	3.10.86.010.000.01.000	Ty sứ đứng 22kV	Cái	27	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
2	3.10.92.018.VIE.00.000	Ty sứ 24kV	Cái	367	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
3	3.10.92.089.VIE.00.000	Ty sứ 35Kv mạ kẽm	Cái	2	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
4	3.15.10.061.000.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 1x240	Mét	1	Ngắn vụn, nhiều đoạn
5	3.15.28.310.000.00.000	Dây ACSR-185/29	Mét	17	Ngắn vụn, nhiều đoạn
6	3.15.94.009.CHN.00.000	Cáp nhôm 3 lõi XLPE 3x240 mm2 - 24kV	Mét	17	Ngắn vụn, nhiều đoạn
7	3.20.17.104.000.00.000	ống nổi A 70mm2	Cái	5	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
8	3.20.17.198.000.00.000	ống nổi nhôm A150	Cái	15	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
9	3.20.22.296.000.00.000	Ghép M25 cằng cua	Cái	650	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
10	3.20.80.418.000.00.000	Đầu cốt thép bài AM 240 (4 lỗ)	Cái	41	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
11	3.10.92.010.VIE.00.000	Ty sứ 15kV	Cái	28	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
12	3.30.60.108.VIE.00.000	Dây cháy cầu chì tự rơi 24kV - 15A	Cái	3	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
13	3.30.60.154.VIE.00.000	Dây cháy cầu chì tự rơi 35kV - 16A	Cái	9	Lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
Kho: HDU_G75					
14	3.15.33.003.000.KM.000	Dây nhôm lõi thép ACSR 240/32	Km	0,01	Ngắn vụn, nhiều đoạn
15	3.15.82.102.VIE.00.000	Cáp Cu/XLPE/PVC 1x50 mm2 - 35kV	Mét	2	Ngắn vụn, nhiều đoạn
16	3.15.82.102.VIE.01.000	Cáp Cu/XLPE/HDPE1x50 mm2-20/35(40.5)kV	Mét	1,5	Ngắn vụn, nhiều đoạn
Kho: HDU_G7N					
17	3.15.82.043.000.00.A80	Cáp điện M 4x4 mm2 PVC	Mét	100	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., ngắn vụn, nhiều đoạn
18	3.42.52.000.000.00.A80	Máy cắt 35kV630 A - Recloser	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
Kho: HDU_G7M					
19	3.06.35.197.000.00.C60	Xà p thu hồi các loại	Kg	60,34	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., han mọt, lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
20	3.10.90.047.VIE.00.C60	Khánh treo sứ thủy tinh	Cái	62	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
21	3.20.45.029.000.00.C60	Mắt nối trung gian	Cái	74	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
22	3.42.26.026.000.00.C60	Dao cách ly 3 pha 35kV 1 lưỡi tiếp đất	Bộ	2	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
23	3.62.95.630.000.00.C60	Vỏ tủ hạ thế	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC...,han mọt, lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
Kho: HDU_G7T					
24	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	9067,501	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han mọt (Phế liệu)
25	2.42.30.111.000.00.D10	Sắt xà các loại	Kg	1419,776	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han mọt (Phế liệu)
26	2.55.04.001.000.00.D10	Đồng các loại thu hồi	Kg	266,204	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, đoạn ngắn, vụn (Phế liệu)
27	2.71.00.000.000.00.D10	Nhôm các loại TH	Kg	421,48	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, đoạn ngắn, vụn (Phế liệu)
28	3.02.30.526.000.00.D10	Thanh cái đồng các loại thu hồi	Kg	241,1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, đoạn ngắn, vụn (Phế liệu)
29	3.10.92.020.000.1K.D10	Ty sứ 35kV	Kg	1181,7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han mọt (Phế liệu)
30	3.10.92.020.000.00.D10	Ty sứ 35kV	Cái	8	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han mọt (Phế liệu)

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
31	3.15.16.000.VIE.00.D10	Dây đồng bọc PVC các loại	Kg	59,0094	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
32	3.15.27.009.VIE.00.D10	Dây nhôm A các loại	Kg	273	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
33	3.15.27.010.000.00.D10	Dây nhôm AC các loại	Kg	117,15	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
34	3.15.28.005.000.00.D10	Cáp trần AC 35	Kg	1073,01	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
35	3.15.28.007.000.00.D10	Cáp trần AC 50	Kg	6507,492	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
36	3.15.28.012.VIE.00.D10	Cáp trần AC 95	Kg	17,19	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
37	3.15.28.015.000.00.D10	Cáp trần AC 120	Kg	0,278	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
38	3.15.28.024.VIE.00.D10	Cáp bọc ACSR - 185/29mm2	Kg	21407	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
39	3.15.44.034.000.0K.D10	Cáp đồng thu hồi	Kg	48,707	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
40	3.15.68.033.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x35	Mét	1864,33	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
41	3.15.68.034.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x50	Mét	1001,54	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
42	3.15.68.035.VIE.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x70	Mét	0,82	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
43	3.15.68.036.000.0M.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/XLPE 4x95	Mét	10400,62	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
44	3.15.68.037.000.00.D10	Cáp vận xoắn AL/XLPE 4x120	Mét	100,78	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
45	3.15.68.084.000.00.D10	Cáp vận xoắn AL/XLPE 4x70	Kg	213,51	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
46	3.15.68.086.000.00.D10	Cáp vận xoắn AXLPE 4x35	Kg	3272,53	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
47	3.15.68.109.000.0K.D10	Cáp nhôm vận xoắn các loại	Kg	491,916	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
48	3.20.65.002.000.00.D10	Tạ chống rung	Cái	264	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
49	3.75.02.256.VIE.00.D10	Dây đồng & Êmay (vàng,thau,bạch)	Kg	63	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
50	3.75.50.030.000.0K.D10	Dây Ê may	Kg	1129,5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, hỏng cách điện (Phế liệu)
51	1.71.07.015.000.00.D10	Nhựa các loại	Kg	10,9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
52	2.55.31.036.000.00.D10	Đồng thanh cái phi 8	Kg	4,6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC ngắn, vụn (Phế liệu)
53	2.55.86.004.VIE.00.D10	Đầu cốt nhôm các loại thu hồi	Kg	15	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
54	3.02.75.261.VIE.00.D10	Tiếp địa hạ thế	Bộ	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
55	3.10.92.018.000.00.D10	Ty sứ 24kV	Cái	31	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han mọt (Phế liệu)
56	3.15.28.004.000.00.D10	Cáp trần AC 25	Kg	153,42	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, dây ải, tước sợi, lõi thép han rỉ, ngắn vụn (Phế liệu)
57	3.15.28.012.000.00.D10	Cáp trần AC 95	Kg	33,52	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, dây ải, tước sợi, lõi thép han rỉ, ngắn vụn (Phế liệu)
58	3.15.28.037.000.00.D10	Cáp nhôm AC 16	Kg	149,76	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, dây ải, tước sợi, lõi thép han rỉ, ngắn vụn (Phế liệu)
59	3.15.30.001.000.00.D10	Dây nhôm trần ACSR 240 mm2	Kg	862,505	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, dây ải, tước sợi, lõi thép han rỉ, ngắn vụn (Phế liệu)
60	3.15.30.011.VIE.00.D10	Dây dẫn ACSR 500 /64	Kg	62,271	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, dây ải, tước sợi, lõi thép han rỉ, ngắn vụn (Phế liệu)
61	3.15.41.013.VIE.00.D10	Cáp thép chống sét TK 50	Kg	294,53	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC han rỉ, đứt sợi (Phế liệu)
62	3.15.42.032.000.00.D10	Cáp Cu/XLPE/PVC 1x70	Mét	49,2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
63	3.15.42.065.000.00.D10	Cáp điện M 1x50 mm2 PVC	Mét	31	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
64	3.15.60.062.000.0M.D10	Cáp nhôm bọc AV 16	Mét	50	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
65	3.15.60.064.VIE.00.D10	Cáp nhôm bọc AV 35	Mét	932	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
66	3.15.62.030.000.0M.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 2x7 mm2	Mét	623,5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
67	3.15.62.031.000.00.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 2x10 mm2	Mét	18	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
68	3.15.62.032.000.00.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 2x16mm2	Mét	459,5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
69	3.15.68.036.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/XLPE 4x95	Kg	602,58	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
70	3.15.68.037.VIE.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/XLPE 4x120	Kg	224,38	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
71	3.15.68.038.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/XLPE 4x150	Mét	12	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
72	3.15.68.083.000.00.D10	Cáp vận xoắn AL/XLPE 4x50	Kg	447,63	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
73	3.15.70.002.000.00.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 3x16+ 1x10mm ²	Mét	83	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
74	3.15.70.003.000.00.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 3x25 + 1x16 mm ²	Mét	7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, nứt vỡ vỏ ruột dẫn ải (Phế liệu)
75	3.15.82.121.000.00.D10	Cáp lực 35kV 1x500	Mét	441	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC cách điện lão hóa, cách điện không đạt (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
76	3.20.60.004.VIE.00.D10	Khóa cáp M12	Cái	4	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
77	3.25.33.023.VIE.02.D10	Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-12,7/22(24KV)3x50mm ²	Kg	17,37	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC cách điện lão hóa, cách điện không đạt (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
78	3.25.33.160.000.01.D10	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 12,7/22(24)kV 1x500 mm ²	Mét	594	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC cách điện lão hóa, cách điện không đạt (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
79	3.30.20.011.TUR.00.D10	Cầu chì ống 24Kv hồng	Cái	12	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC han rỉ, lão hóa (Phế liệu)
80	3.30.20.050.000.00.D10	Cầu chì ống SI 35kV	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
81	3.30.22.019.000.00.D10	Cầu chì tự rơi 35kV	Pha	185	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
82	3.30.22.109.000.00.D10	Cầu chì tự rơi 24KV	Pha	30	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
83	3.30.60.192.000.0D.D10	Dây chì	Dây	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
84	3.30.68.012.000.00.D10	Cụm ống chì SI 24kV	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
85	3.30.68.014.000.00.D10	Cụm ống chì SI 35kV	Cái	22	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
86	3.30.68.110.000.00.D10	ống chì SI	Cái	7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
87	3.34.50.019.000.00.D10	Khóa chuyển mạch	Cái	5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
88	3.38.35.001.000.00.D10	Cầu dao 3 pha các loại	Cái	57	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
89	3.38.41.016.VIE.0B.D10	Cầu dao cách ly 35kV thu hồi	Bộ	9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
90	3.38.43.000.000.0C.D10	Cầu dao 20A	Cái	1656	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
91	3.38.43.003.000.00.D10	Cầu dao 3 pha 30A	Cái	60	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
92	3.38.43.003.VIE.00.D10	Cầu dao 3 pha 30A	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
93	3.38.43.006.000.00.D10	Cầu dao 3 pha 60A	Cái	26	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
94	3.38.43.010.000.00.D10	Cầu dao 3 pha 100A	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
95	3.42.10.073.000.00.D10	Cầu dao liên động 24kV	Bộ	5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
96	3.42.10.081.000.00.D10	Cầu dao liên động 35kV	Bộ	17	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
97	3.42.10.083.000.0B.D10	Cầu dao liên động 35kV ngoài trời - chém ngang	Bộ	27	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
98	3.42.10.180.VIE.0C.D10	Cầu dao hạ thế các loại	Cái	254	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
99	3.42.78.000.000.00.D10	Chống sét hạ thế GZ 500A	Quả	30	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
100	3.42.80.030.000.00.D10	Chống sét Van 35kV	Quả	69	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
101	3.42.80.032.VIE.00.D10	Chống sét Van 42kV	Quả	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
102	3.42.80.050.000.00.D10	Chống sét Van hạ thế 0.4kV	Quả	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
103	3.42.80.097.000.00.D10	Ghíp nhôm thu hồi các loại	Kg	11,56	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lão hóa, mòn răng bu lông han rỉ (Phế liệu)
104	3.42.80.125.000.00.D10	Chống sét van 24KV	Quả	17	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
105	3.46.04.003.000.00.D10	áp tô mát 1 cực 1pha 32 A	Cái	8	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
106	3.46.04.013.000.00.D10	áp tô mát 1 pha 16A	Cái	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
107	3.46.04.021.000.00.D10	áp tô mát 1 pha 32A	Cái	451	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
108	3.46.04.022.000.00.D10	áp tô mát 1 pha 40A	Cái	917	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
109	3.46.04.040.000.00.D10	áp tô mát 100A	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
110	3.46.04.058.VIE.00.D10	Attomat 1 pha các loại	Cái	18	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
111	3.46.15.001.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 800A	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
112	3.46.15.010.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 40A	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
113	3.46.15.011.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 50A	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
114	3.46.15.011.VIE.00.D10	áp tô mát 3 pha 50A	Cái	7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
115	3.46.15.014.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 63A	Cái	178	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
116	3.46.15.014.VIE.00.D10	áp tô mát 3 pha 63A	Cái	11	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
117	3.46.15.016.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 100A	Cái	7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
118	3.46.15.020.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 150A	Cái	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
119	3.46.15.025.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 200A	Cái	9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
120	3.46.15.028.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 250A	Cái	9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
121	3.46.15.029.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 300A	Cái	7	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
122	3.46.15.054.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 320A	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
123	3.46.15.062.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 400A	Cái	10	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
124	3.46.15.065.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 500A	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
125	3.46.15.069.000.00.D10	áp tô mát 3 pha 600A	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
126	3.46.19.008.000.00.D10	áp tô mát các loại	Cái	69	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
127	3.46.19.033.VIE.00.D10	Áp tô mát cái 3 pha 32A	Cái	32	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
128	3.53.05.001.000.00.D10	Biến dòng điện hạ thế 100/5A	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
129	3.53.05.005.000.00.D10	Biến dòng điện hạ thế 150/5A	Cái	9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
130	3.53.05.008.000.00.D10	Biến dòng điện hạ thế 200/5A	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
131	3.53.05.016.000.00.D10	Biến dòng điện hạ thế 300/5A	Cái	5	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
132	3.53.05.052.000.00.D10	Biến dòng điện hạ thế 500/5A	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
133	3.62.16.034.000.00.D10	đồng hồ vôn các loại	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
134	3.62.16.036.000.00.D10	Đồng hồ các loại hỏng	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
135	3.62.90.036.000.00.D10	Đồng hồ Vôn 450V	Cái	5	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
136	3.62.90.037.000.00.D10	Đồng hồ am pe thu hồi hỏng	Cái	18	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
137	3.62.95.494.VIE.00.D10	Tủ nạp ắc qui (đã tháo bảng mạch điện tử)	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu) - đã tháo bảng mạch điện tử
138	3.62.92.023.000.00.D10	Tủ lộ đi 35kV thu hồi	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
139	3.62.92.025.000.00.D10	Tủ dao cắt 35kV	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
140	3.62.92.037.000.00.D10	Tủ dao cắt 22kV	Tủ	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
141	3.62.92.071.VIE.00.D10	Tủ máy cắt lộ tổng 35kV	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
142	3.62.92.076.000.00.D10	Tủ tự dừng 22KV	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
143	3.62.92.107.000.00.D10	Tủ tụ dùng 35kV	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
144	3.62.95.060.000.00.D10	Tủ biến điện áp 22KV	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
145	3.62.95.061.000.00.D10	Tủ biến điện áp 38,5kV	Cái	4	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
146	3.62.95.095.000.02.D10	Tủ đầu dây ngoài trời MK	Tủ	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
147	3.62.95.631.000.00.D10	Vỏ tủ 0,4 kV	Kg	1420	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han ri, lạc hậu KT (Phế liệu)
148	3.62.95.635.000.00.D10	Vỏ tủ hạ thế	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, han ri, lạc hậu KT (Phế liệu)
149	3.62.95.686.000.00.D10	Vỏ tủ trung thế	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
150	3.62.95.724.000.00.D10	Tủ Nguồn	Bộ	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
151	3.62.95.743.VIE.00.D10	Tủ máy cắt 24kV	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
152	3.62.95.803.000.00.D10	Tủ lộ đi 24kV thu hồi	Cái	6	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
153	3.64.04.021.000.00.D10	Tụ bù hạ áp các loại	Bình	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
154	3.66.71.018.VIE.00.D10	Đèn báo cháy	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)
155	4.94.61.057.000.00.D10	Máy (bắt) vận bu lông	Bộ	5	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
156	4.94.61.901.000.00.D10	Quạt cây	Cái	4	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
157	4.94.61.903.000.00.D10	Quạt thông gió Pana	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Phế liệu)
158	4.94.61.909.000.00.D10	Quạt trần	Cái	2	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
159	4.94.61.910.000.00.D10	Quạt treo tường	Cái	5	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
160	5.76.97.058.000.00.D10	Bộ chuyển nấc MBA hỏng (CD)	Bộ	4	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC, hỏng (Phế liệu)
161	8.25.43.000.000.00.D10	Kim cắt các loại	Cái	3	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
162	8.25.61.101.000.00.D10	Kim chết	Cái	5	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
163	8.25.63.001.000.00.D10	Kim cách điện	Cái	2	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
164	8.25.73.000.000.00.D10	Các loại Tuốc nơ vít	Cái	5	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
165	8.30.96.610.000.00.D10	Bộ lục giác	Cái	5	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
166	8.32.02.006.000.00.D10	Máy khoan các loại	Cái	13	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
167	8.32.02.500.000.00.D10	Khoan điện 500w	Cái	1	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
168	8.32.22.003.000.00.D10	Máy cưa cắt cành cây	Cái	1	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
169	8.34.04.300.000.00.D10	Pa lăng xích 3T	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
170	8.34.88.031.VIE.00.D10	Thang rút cách điện	Cái	2	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
171	8.34.90.020.000.00.D10	Thang nhôm chữ A 2m	Cái	4	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
172	8.35.25.013.VIE.00.000	Dao quắm	Cái	13	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
173	8.40.05.907.000.00.D10	Cây lọc nước Kangaroo KG 43	Cái	4	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
174	8.80.00.001.000.00.D10	ống nhôm	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
175	8.82.01.004.000.00.D10	Cóc kéo dây	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
176	8.82.01.102.VIE.00.D10	Tiếp địa lưu động hỏng	Bộ	2	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
177	8.82.01.108.000.00.D10	Tiếp địa di động 110kV	Bộ	5	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
178	8.88.00.049.000.00.D10	Máy mài các loại	Cái	2	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
179	8.88.45.282.000.00.D10	Case (Vỏ máy tính)	Cái	13	Công cụ dụng cụ cháy, hỏng thu hồi
180	8.90.00.009.000.00.D10	Công cụ dụng cụ (các loại)	Cái	8	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
181	8.90.10.005.000.00.D10	Sào cách điện 35kV	Bộ	11	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
182	8.90.40.000.000.00.D10	Găng tay	Đôi	2	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
183	8.90.40.010.000.0C.D10	Găng tay cách điện hạ áp	Cái	30	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
184	8.90.40.010.000.00.D10	Găng tay cách điện hạ áp	Đôi	25	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
185	8.90.40.012.000.00.D10	Găng tay cao thế	Đôi	6	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
186	8.90.40.019.000.00.D10	Găng tay cách điện 35 Kv	Đôi	4	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
187	8.90.52.020.000.00.D10	Sào thao tác 6-35kV	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
188	8.90.58.000.000.00.D10	Guốc treo cột	Đôi	17	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
189	8.90.59.012.000.0C.D10	ùng cách điện 35 kV	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
190	8.90.70.001.000.00.D10	Dây đai lưng an toàn	Bộ	100	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
191	8.90.70.004.VIE.00.D10	Dây đai lưng an toàn phụ	Bộ	21	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
192	8.90.80.508.000.00.D10	Túi đựng đồ nghề	Cái	47	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
193	8.90.90.006.VIE.00.D10	Bình cứu hỏa CO2-MT5	Bình	5	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
194	8.90.90.008.000.00.D10	Bình cứu hỏa MFZ4	Bình	16	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
195	8.90.90.010.000.00.D10	Bình cứu hỏa MFZ8	Bình	9	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
196	8.93.00.002.VIE.00.D10	Xe nâng	Cái	1	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
197	8.93.00.008.000.00.D10	Xe đẩy	Cái	2	Công cụ dụng cụ hỏng thu hồi
198	2.55.05.002.VIE.00.D10	Đồng hồ tròn ĐK 6	Kg	2	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC ngắn vụn, nhiều đoạn (Phế liệu)
199	3.15.60.025.000.00.D10	Dây nhôm AC TH các loại	Kg	27,3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hỏng)

Kho: HDU_G7H

200	3.60.15.015.000.00.C60	Công tơ 1 pha 5 -20A/220V C2	Cái	55.126	Công tơ cơ khí thu hồi thay định kỳ cho KH sử dụng điện, công tơ cơ khí cũ đã quay vòng nhiều lần (năm SX: 2004-2010), lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, hết hạn kiểm định
-----	------------------------	------------------------------	-----	--------	--

Kho: HDU_G7V

201	3.60.15.003.000.00.D10	Công tơ 1 pha 10/40A 220V	Cái	1	Công tơ cơ khí thay cháy; kẹt cho KH sử dụng điện (công tơ cháy hỏng)
202	3.60.15.015.000.00.D10	Công tơ 1 pha 5 -20A/220V C2	Cái	111	Công tơ cơ khí thay cháy; kẹt cho KH sử dụng điện (công tơ cháy hỏng)
203	3.60.15.023.000.00.D10	Ctơ 1 pha các loại cháy vỡ xin T.lý	Cái	199	Công tơ cơ khí thay cháy; kẹt cho KH sử dụng điện (công tơ cháy hỏng)
204					
205	3.60.25.015.VIE.00.D10	Công tơ 3 pha 3x10-40A 220/380V Ccx 1	Cái	1	Công tơ cơ khí thay cháy; kẹt cho KH sử dụng điện (công tơ cháy hỏng)
206	3.62.25.107.000.00.D10	Công tơ 3 pha xin t.ly các loại cháy, vỡ	Cái	56	Công tơ cơ khí thay cháy; kẹt cho KH sử dụng điện (công tơ cháy hỏng)

DANH MỤC VTTB LÀ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG THANH XỬ LÝ LẦN 1 NĂM 2023

Kho: HDU_G7N

207	3.10.65.082.000.00.A80	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	25	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
208	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	933	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
209	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	1518	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém

Kho: HDU_G7M

210	3.10.65.082.000.00.C60	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	36	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
211	3.10.65.108.000.00.C60	Sứ chuỗi thủy tinh	Bát	319	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
212	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	340	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
213	3.10.88.121.000.00.C60	Sứ cách điện thủy tinh PC120	Bát	30	VTTB thu hồi từ các CT SCL, SCTX, SCSC..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
Kho: HDU_G7T					
214	3.10.05.007.000.00.D15	Sứ hạ thế	Quả	23	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
215	3.10.10.002.000.00Q.D10	Sứ A30 Không Ty	Quả	4	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
216	3.10.65.014.000.00.D10	Sứ đứng 35kv	Quả	1227	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
217	3.10.65.014.VIE.00.D10	Sứ đứng 35kv	Quả	383	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
218	3.10.65.081.000.00.D10	Sứ đỡ dây 24kV	Quả	207	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
219	3.10.65.081.VIE.00.D10	Sứ đỡ dây 24kV	Quả	715	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
220	3.10.65.082.000.00.D10	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	1158	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
221	3.10.65.082.VIE.00.D10	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	1387	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
222	3.10.65.083.VIE.00.D10	Sứ VHD-45	Quả	13	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
223	3.10.65.108.VIE.0B.D10	Sứ chuỗi thủy tinh	Bát	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
224	3.10.65.174.000.00.D10	Sứ VHD - 35kV	Quả	42	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
225	3.10.65.256.000.00.D10	Sứ cao thế máy biến áp 10kV	Cái	3	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
226	3.10.65.261.000.00.D10	Sứ cao thế máy biến áp 35kV	Quả	10	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
227	3.10.65.302.000.00.D10	Sứ mặt máy biến áp 35kV	Quả	1	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
228	3.10.65.316.VIE.00.D10	Sứ máy biến áp 22kV	Quả	15	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
229	3.10.65.450.000.00.D10	Sứ bát thủy tinh	Bát	434	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
230	3.10.88.047.000.00.D10	Sứ chuỗi nâu II 70	Bát	9	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
231	3.60.91.194.VIE.0K.D10	Hộp bảo vệ công tơ các loại hồng	Kg	5085,92	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (Cháy hồng)
232	3.10.65.070.VIE.00.D10	sứ các loại	Quả	158	VTTB thu hồi từ các CT: SCL, SCTX, SCSC (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
DANH MỤC TSCD ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ LẦN 1 NĂM 2023					
Kho: HDU_G7R					
CTXD20.30 - XD mới đz35kv từ trạm 110kv Nhị Chiểu đến REC 01 Hiệp Sơn					
233	3.42.52.000.000.00.C60	Máy cắt 35kV630 A - Recloser	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Phả Lại					
234	3.15.86.009.000.00.A80	Cáp đồng XLPE /PVC 3x150mm 35kV	Mét	8	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
235	3.10.88.185.000.00.C60	Sứ chuỗi Polymer 110kV - 120kN	Chuỗi	6	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD22.21: Xây dựng ĐZTT và TBA phân phối H.Thanh Miện năm 2022 (GĐ 2)					
236	3.15.68.003.VIE.00.C60	Cáp ABC (vận xoắn) 4x50	Mét	190	VTTB thu hồi từ các CT XDCB vỏ cách điện ải, vỡ vỏ, chất lượng kém
237	3.15.68.033.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x35	Mét	86	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
238	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	75,3	VTTB thu hồi từ các CT XDCB han một, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
239	3.15.68.035.VIE.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x70	Mét	52,78	VTTB thu hồi từ các CT XDCB vỏ cách điện ải, vỡ vỏ, chất lượng kém
CTXD: Cải tạo, xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Bình Giang năm 2021					
240	3.10.92.020.000.00.C60	Ty sứ 35kV	Cái	79	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng mới đường dây 35kV lộ 376E8.7 cấp điện cho nhánh bơm An Cư					
241	3.42.80.030.000.00.C60	Chống sét Van 35kV	Quả	5	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng và cải tạo đường dây 35kV lộ 371E2.11 cấp điện cho khu Từ Lạo - TT Minh Tân, XD ĐZ 35kV lộ 370E8.10 cấp điện cho khu Hạ Chiểu - TT Minh Tân					

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
242	3.06.35.197.000.00.C60	Xà p thu hồi các loại	Kg	339,52	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng mới đường dây 22kV và chuyển nhánh Phạm Kha lộ 373E8.14 sang vận hành cấp điện áp 22kV					
243	3.10.92.020.000.00.C60	Ty sứ 35kV	Cái	6	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Thay thế thiết bị các ngăn lộ 110IV trạm E8.1					
244	3.15.90.023.000.00.D10	Cáp AL/XLPE/PVC 1x150	Mét	11	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
245	3.42.80.030.000.00.D10	Chống sét Van 35kV	Quả	3	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
CTXD Xây dựng mới đường dây 22kV từ TBA 110kV Đồng Niên và cải tạo lộ 475E8.1 cấp sđiện cho KCN Việt Hòa - Kenmark, TP Hải Dương					
246	3.15.00.049.000.01.A80	Cáp lực 24kV Cu/XLPE/PVC/PVC 3x120	Mét	170	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc các ĐL Tứ Kỳ, Kim Thành, Thanh Hà, TP Hải Dương và tòa nhà B trụ sở Công ty ĐLHD					
247	2.71.00.000.000.00.D10	Nhôm các loại TH	Kg	2,2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB ngăn vụn, vỡ cách điện (Phế liệu)
248	2.71.00.000.000.00.D10	Nhôm các loại TH	Kg	3,2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB ngăn vụn, vỡ cách điện (Phế liệu)
249	4.94.61.046.VIE.00.D10	Máy bơm nước	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
250	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	15	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn mọt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
251	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	100	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn mọt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
CTXD: Xây dựng và cải tạo đường dây 35kV lộ 373E8.7 đoạn từ cột 106 đến cột 150					
252	3.15.28.007.000.00.D10	Cáp trần AC 50	Kg	128,95	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi bị tước (Phế liệu)
253	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	1335	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
254	3.15.28.010.000.00.D10	Cáp trần AC 70	Kg	61,23	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi bị tước (Phế liệu)
255	3.10.88.050.000.00.D10	Sứ chuỗi Polyme 35kV	Chuỗi	42	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
256	3.15.28.012.VIE.00.D10	Cáp trần AC 95	Kg	3689,13	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi bị tước (Phế liệu)
CT: XD đường dây 35kV mạch kép lộ 375-377 sau trạm 110kV Kim Thành					
257	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	6	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
258	3.15.28.016.000.00.D10	Cáp trần AC 150	Kg	54,25	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi tước, lõi hạn ri (Phế liệu)
259	3.15.28.018.000.00.D10	Cáp trần AC 185	Kg	97,08	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi tước, lõi hạn ri, đứt sợi (Phế liệu)
260	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	4,5	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
CT: Xóa bỏ điểm đầu chữ T đường dây 171, 172 E8.5 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Nhị Chiều (E8.10)					
261	3.15.28.025.000.00.D10	Cáp trần ACSR 240 mm2	Kg	393,82	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi tước, lõi hạn ri, đứt sợi (Phế liệu)
262	2.40.05.001.VIE.0K.D10	Cột sắt các loại	Kg	4920	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
263	3.15.41.020.000.0K.D10	Dây chống sét TK - 70	Kg	50	VTTB thu hồi từ các CT XDCB sợi tước, đứt sợi (Phế liệu)
264	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	470,5	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
265	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	1170	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
266	3.42.26.110.000.0B.D10	Cầu dao cách ly 110kV thu hồi	Bộ	2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
267	3.10.88.185.000.00.D10	Chuỗi néo đơn Polymer 110kV	Chuỗi	32	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
268	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	48	VTTB thu hồi từ các CT XDCB lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
CT: Cung cấp, lắp đặt thiết bị, cấu hình, ghép nối, thí nghiệm hiệu chỉnh VTTB phần cứng, phần mềm hệ thống CNTT, SCADA và PCCC					
269	3.42.22.007.000.00.D10	Cầu dao cách ly 110kV, 3pha 2 tiếp đất	Bộ	11	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
270	3.62.95.803.000.00.D10	Tủ lộ đi 24kV thu hồi	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
271	3.62.95.558.000.00.D10	Tủ xoay chiều AC	Cái	5	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
272	3.62.95.694.000.00.D10	Tủ máy cắt	Bộ	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
273	3.62.95.095.000.00.D10	Tủ đấu dây ngoài trời	Cái	2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
274	3.62.92.076.000.00.D10	Tủ tự dừng 22KV	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
275	3.62.95.060.000.00.D10	Tủ biến điện áp 22KV	Tủ	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB cách điện không đạt, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
276	3.15.29.010.000.00.D10	Dây ACSR 300/39	Kg	818	VTTB thu hồi từ các CT XDCB đứt sợi, lão hóa (Phế liệu)
277	3.15.28.018.000.00.D10	Cáp trần AC 185	Kg	147	VTTB thu hồi từ các CT XDCB đứt sợi, lão hóa (Phế liệu)
278	3.62.16.036.VIE.00.D10	Đồng hồ các loại hỏng	Cái	29	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
279	3.15.28.025.000.00.D10	Cáp trần ACSR 240 mm2	Kg	128	VTTB thu hồi từ các CT XDCB đứt sợi, lão hóa (Phế liệu)
280	3.42.10.180.VIE.0C.D10	Cầu dao hạ thế các loại	Cái	1	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
281	3.46.19.008.000.00.D10	áp tô mát các loại	Cái	26	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
		Rơ le các loại	Cái	56	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (cháy hỏng)
CTXD: Đường dây và TBA 110kV Kim Thành					
282	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	3,6	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn rỉ, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
CTXD22.25: Xây dựng ĐZTT và TBA phân phối H.Nam Sách, huyện Kim Thành năm 2022					
283	3.15.68.033.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x35	Mét	15,23	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
284	3.15.62.002.000.0M.D10	Cáp ABC (vận xoắn) 2x35	Mét	142	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
285	3.15.62.002.000.0M.D10	Cáp ABC (vận xoắn) 2x35	Mét	20,3	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
286	3.15.68.005.000.0M.D10	Cáp ABC (vận xoắn) 4x95	Mét	42	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
287	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	15,4	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn rỉ, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
CTXD21.21: Xây dựng các xuất tuyến trung áp sau TBA 110 Thanh Hà					
288	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	40,4	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn rỉ, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
289	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	295	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn rỉ, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
290		Sứ bát thủy tinh	bát	28	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD22.14: Xây dựng ĐZTT và TBA phân phối TP.Chí Linh năm 2022 (Giai đoạn 2)					
291	2.42.30.101.000.00.D10	Sắt các loại thu hồi	Kg	28,8	VTTB thu hồi từ các CT XDCB hạn rỉ, lạc hậu kỹ thuật (Phế liệu)
292	3.15.68.033.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x35	Mét	109	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
293		Cáp bọc ABC (vận xoắn) 4x95	Mét	25	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
CTXD21.16: Cải tạo TBA 110kV Lai Khê theo tiêu chí KNT					
294		Sắt các loại thu hồi	Kg	138,2	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (phế liệu)
295	2.55.04.001.000.00.D10	Đồng các loại thu hồi	Kg	0,008	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (phế liệu)
NCTXD22.07: Xây dựng ĐZTT và TBA phân phối H.Cẩm Giàng năm 2022					
296	3.15.68.005.000.0M.D10	Cáp ABC (vận xoắn) 4x95	Mét	26,77	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
297	3.15.68.033.000.00.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 4x35	Mét	222,17	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
298	3.15.62.062.000.0M.D10	Cáp bọc vận xoắn AL/ 2x35	Mét	2,94	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (Phế liệu, vỡ vỏ cách điện)
DANH MỤC TSCĐ LÀ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ LẦN 1 NĂM 2023					
	Kho: HDU G7R				
CT XDCB: Cải tạo, nâng cấp Đz 377E8.1 đoạn từ cột 19 đến cột 71					
299	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	162	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
CT XDCB: Lắp đặt Recloser trên lưới điện trung áp Công ty Điện lực Hải Dương - ĐL Kinh Môn (BB ngày 23/9/2014)					
300	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	19	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
301	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	17	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo, nâng cấp Đz 110kV mạch đơn lộ 173 E8.1 thành Đz mạch kép 35kV và 22KV (GT số 01)					
302	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	870	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV mạch đơn lộ 173 E8.1 thành đường dây mạch kép 35kV và 22kV					
303	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	287	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo, nâng cấp lưới điện 10kV các lộ 971,972,973 sau TG 35/10kV Thanh Miện và các lộ 975 E8.3 lên vận hành cấp điện áp 22kV					
304	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	35	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
305	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	24	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo đường dây 35kV lộ 375 E8.7 từ xuất tuyến đến đo đếm 9B Nguyễn Giáp					
306	3.10.65.108.000.0B.A80	Sứ chuỗi (thủy tinh)	Bát	140	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
307	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	232	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xây dựng đường dây 22kV mạch kép từ TBA 110kV Tiên Trung liên lạc với đường dây 478 E8.1 và 480E8.1					
308	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	45	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Đường dây 22kV trong KCN VSIP Hải Dương					
309	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	25	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xây dựng mới đường dây 35kV liên lạc giữa lộ 377 E8.7 và lộ 371E8.7					
310	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	13	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xóa bỏ điểm đấu chữ T đường dây 171,172 E8.5 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Chí Linh (E8.5)					
311	3.10.88.059.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U120	Cái	60	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
312	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	103	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo và nâng cấp đường dây 35kV từ cột 17 đến đo đếm 258 lộ 373 E8.7					
313	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	20	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xây dựng mới đường dây 35kV chống quá tải lộ 371 E8.16 huyện Thanh Hà					
314	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	77	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Cải tạo, xây dựng mới các lộ xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV E8.4					
315	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	305	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xây dựng mới và cải tạo đường dây 22kV, 35kV cấp điện cho các doanh nghiệp trong KCN Phúc Điền					
316	3.10.88.058.000.00.A80	Sứ chuỗi thủy tinh U 70	Bát	20	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CT XDCB: Xây lắp TBA 110kV Đồng Niên - Dự án: Nâng công suất TBA 110kV Đồng Niên					
317	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	300	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Mua sắm và lắp đặt các bộ Recloser và cầu dao phụ tải trên lưới điện trung áp tỉnh Hải Dương					
318	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	3	
CT XDCB: Xây dựng mạch liên lạc giữa lộ 476&478 E8.5					
319	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	90	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Cải tạo các lộ đường dây 22kV lộ 471, 472 E8.15 và lộ 475E8.11					
320	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	100	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém

STT	Mã VT	Tên, quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc VTTB
CT XDCB: Xây dựng đường dây 22kV cấp điện cho các doanh nghiệp trong KCN Đại An mở rộng - giai đoạn 2					
321	3.10.65.234.VIE.01.C60	Sứ đỡ thanh cái 24kV	Quả	6	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD21.03: Cải tạo, xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Miện năm 2021					
322	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	120	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Cải tạo và nâng cấp đường dây 22kV lộ 478E8.5					
323	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	108	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng mới đường dây 35kV lộ 376E8.7 cấp điện cho nhánh bơm An Cư					
324	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	12	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
325	3.10.65.082.000.00.C60	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	20	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng và cải tạo đường dây 35kV lộ 371E2.11 cấp điện cho khu Tử Lạo - TT Minh Tân, XD ĐZ 35kV lộ 370E8.10 cấp điện cho khu Hạ Chiểu - TT Minh Tân					
326	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	96	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD20.10: Xây dựng mới đường dây 22kV từ TBA 110kV Thanh Miện để san tải cho lộ 474E8.14					
327	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	182	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Thay thế thiết bị các ngăn lộ 110IV trạm E8.1					
328	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	567	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD Xây dựng mới đường dây 22kV từ TBA 110kV Đồng Niên và cải tạo lộ 475E8.1 cấp điện cho KCN Việt Hòa - Kenmark, TP Hải Dương					
329	3.10.65.450.000.00.C60	Sứ bát thủy tinh	Bát	70	VTTB thu hồi từ các CT XDCB..., lạc hậu kỹ thuật, chất lượng kém
CTXD: Xây dựng và cải tạo đường dây 35kV lộ 373E8.7 đoạn từ cột 106 đến cột 150					
330	3.10.65.082.VIE.00.D10	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	242	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
CT: XD đường dây 35kV mạch kép lộ 375-377 sau trạm 110kV Kim Thành					
331	3.10.65.450.000.00.D10	Sứ bát thủy tinh	Bát	12	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
CT: Xóa bỏ điểm đấu chữ T đường dây 171, 172 E8.5 và hoàn thiện sơ đồ trạm 110kV Nhị Chiểu (E8.10)					
332	3.10.65.450.000.00.D10	Sứ bát thủy tinh	Bát	206	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
CTXD: Đường dây và TBA 110kV Kim Thành					
333	3.10.65.082.VIE.00.D10	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	3	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
CTXD21.21: Xây dựng các xuất tuyến trung áp sau TBA 110 Thanh Hà					
334	3.10.65.082.VIE.00.D10	Sứ đỡ dây 35kV	Quả	22	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
335		Sứ đỡ dây 35kV	Quả	23	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
336		Sứ đỡ dây 35kV	Quả	24	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)
337		Sứ đỡ dây 35kV	Quả	21	VTTB thu hồi từ các CT XDCB (rạn nứt, thí nghiệm không đạt)